TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **26**/2024/HSST. Ngày 12/04/2024.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Thái.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2024/HSST ngày 23/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 27/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành M**, tên gọi khác: Thùng; Sinh ngày 28/01/1982 tại: Thoại Sơn, tỉnh AG. Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở hiện nay: ấp TM, xã MPĐ, huyện Thoại Sơn, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M1 và bà Võ Thị D; Vợ tên Nguyễn Thị Đ và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/10/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công A huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* *Bị hại*: Anh **Hồ Minh N**, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp TN, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Công A**, sinh năm 1955; Địa chỉ: số 99 đường 3/2 khu phố 3, phường VB, thành phố RG, tỉnh KG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2001, Nguyễn Thành M thuê máy ủi, máy cày tự khai phá những mảnh đất M cho là hoang hóa để làm ruộng, trồng lúa nước nhưng những mảnh đất M cày thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Công A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 68, khu 710, tại ấp TN, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG. Do đã đầu tư nhiều tiền vào thửa đất của ông A nên M thỏa thuận thuê lại đất ruộng của ông A, sau đó M đến nhà ông A làm hợp đồng thuê hai thửa đất của ông A với diện tích 50.000m^2 (50 công tầm nhỏ) với giá tiền 35.000.000 đồng một năm. Sau khi hết hợp đồng thuê đất của ông A thì M tiếp tục đến làm hợp đồng mới, nhiều năm thuê đất của ông A, M đều thua lỗ. Kết thúc vụ hè thu năm 2020, M không có tiền để ký hợp đồng, ông A đã chấm dứt hợp đồng với M. Do cần tiền nên M nảy sinh ý định tự nhận đất của ông A là của M để cho người khác thuê rồi chiếm đoạt tiền thuê. Biết được Hồ Minh N đang có nhu cầu thuê đất ruộng để canh tác lúa nước nên M đã làm hợp đồng cho N thuê đất của ông A để chiếm đoạt số tiền 180.000.000 đồng của ông N, khi N thuê máy vào xới đất đã thuê của M, thì thấy đất ruộng đã được xới, qua tìm hiểu N biết được mảnh đất ruộng mà M cho thuê thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Công A. Biết mình bị M lừa nên đã đến Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công A huyện Hòn Đất tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thành M.

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKS-HĐ ngày 20/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị cáo Nguyễn Thành M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành M khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo M từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều Điều 174 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo M phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hồ Minh N yêu cầu bồi thường số tiền 180.000.000đồng, bị hại khắc phục được số tiền 100.000.000đồng nên đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả thêm cho bị hại số tiền 80.000.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Thành M không tranh luận gì với bản luận tội mà kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa.

Bị hại Hồ Minh N không tranh luận gì với bản luận tội mà kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo bày tỏ sự hối hận về hành vi của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công A huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: HĐXX xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó HĐXX có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 10/02/2020, lợi dụng sự tin tưởng của anh Hồ Minh N, Nguyễn Thành M đã dùng thủ đoạn gian dối, bằng hình thức nhận thửa đất số 68 toạ lạc tại ấp TN, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Công A là của M để cho anh N thuê lại nhằm chiếm đoạt số tiền 180.000.000đồng của anh N. Khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song với mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên hành vi của bị cáo Nguyễn Thành M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được

pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Hơn nữa sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến ngày 10/7/2023 Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với bị cáo, việc bỏ trốn đã gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và khắc phục được một phần hậu quả đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, HĐXX sẽ xem xét, cân nhắc áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 180.000.000đồng, tại phiên toà bị cáo khắc phục một phần thiệt hại với số tiền 100.000.000đồng nên còn lại số tiền 80.000.000đồng và bị cáo đồng ý tự nguyện trả số tiền này. Do đó, HĐXX buộc bị cáo phải trả cho bị hại thêm số tiền 80.000.000đồng.

[9] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí, án phí tòa án; buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với nghĩa vụ thi hành là 80.000.000đồng x 5% = 4.000.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành M 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 05/10/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thành M phải trả cho bị hại Hồ Minh N số tiền 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí : Căn cứ khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH quy định về lệ phí, án phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành M phải nộp 4.200.000đồng (gồm 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Hồng Điệp

Nơi Nhận:
- TAND Tỉnh KG;
- VKS Huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA DS huyện Hòn Đất;
- Cơ quan THA huyện Hòn Đất;
- Nhà tạm giữ - CA Huyện Giang Thành;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.